

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục dự án xã hội hóa nạo vét duy tu, đảm bảo giao thông, kết hợp tận thu sản phẩm trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 69/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm;

Xét văn bản của các tỉnh, thành phố về danh mục dự án nạo vét luồng đảm bảo giao thông, kết hợp tận thu sản phẩm trên các tuyến đường thủy nội địa quốc gia theo đề nghị của Bộ Giao thông vận tải tại văn bản số 14119/BGTVT-KCHT ngày 30/10/2015;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố danh mục các dự án dự án xã hội hóa nạo vét duy tu, đảm bảo giao thông, kết hợp tận thu sản phẩm trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có trách nhiệm:

- Kêu gọi, hướng dẫn tổ chức cá nhân đầu tư tự bỏ kinh phí thực hiện vét duy tu, đảm bảo giao thông, kết hợp tận thu sản phẩm trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia theo danh mục dự án đã được phê duyệt.

- Đăng tải danh mục dự án xã hội hóa nạo vét duy tu, đảm bảo giao thông, kết hợp tận thu sản phẩm trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia trên trang Thông tin điện tử của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và thực hiện các nội

dung liên quan theo quy định tại Thông tư số 69/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải.

**Điều 3.** Đề nghị UBND các tỉnh, thành phố, nơi có dự án đi qua chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng của địa phương hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về bảo vệ tài nguyên môi trường, đăng ký sản phẩm tận thu và các thủ tục khác liên quan theo quy định tại Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ và chủ trương xã hội hóa nạo vét duy tu, đảm bảo giao thông, kết hợp tận thu sản phẩm trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia của Bộ Giao thông vận tải theo quy định tại Thông tư số 69/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015.

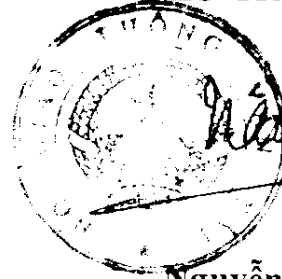
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kết cấu hạ tầng giao thông, Tài chính, Vận tải, Kế hoạch đầu tư, Môi trường; Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- UBND các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Phú Thọ, Quảng Ninh, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Tiền Giang, Đồng Tháp, Bến Tre, An Giang, Hậu Giang, Cà Mau, Kiên Giang;
- Trung tâm CNTT (đăng website Bộ);
- Lưu: VT, KCHT (3).Trình

**KT.BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Nhật**

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NẠO VẾT DUY TU LƯỜNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA  
QUỐC GIA KẾT HỢP TẬN THU SẢN PHẨM**

(Kèm theo Quyết định số 1508 /QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 5 năm 2016)

TT	Tên dự án	Vị trí (km)	Khối lượng dự kiến (1000 m <sup>3</sup> )	Địa danh (tỉnh, thành phố)		Ghi chú
				Bờ trái	Bờ phải	
<b>I</b>	<b>Miền Bắc</b>					
1	Sông Đà	Km 0+000÷Km 25+000	127	Phú Thọ	Hà Nội	
2	Sông Tiên Yên	km 4+500 ÷ Km 6+000	2000	Quảng Ninh	Quảng Ninh	Thiết lập khu neo đậu trú, tránh bão
<b>II</b>	<b>Miền Trung</b>					
1	Sông Hiếu	Km 7+800÷Km 8+500	44	Quảng Trị	Quảng Trị	Cồn Soi
		Km 10+500÷Km 11+400	36	nt	nt	Cống Thủy Lợi
		Km 12+950÷Km 14+150	48	nt	nt	Đông Lạnh
		Km 15+200÷Km 15+900	28	nt	nt	Đông Giang
		Km 24+800÷Km 25+900	35	nt	nt	Lâm Lang 2
2	Sông Thạch Hãn	Km 1+400÷Km 3+900	86	nt	nt	Gia Độ, Trung Yên
		Km 14+000÷Km 16+800	83	nt	nt	An Đôn, Tân Đức
		Km 22+700÷Km 23+500	80	nt	nt	Như Lệ
		Km 43+500÷Km 44+700	50	nt	nt	Ba Lòng
3	Đầm Phá Tam Giang	Km 1+000	33,6	Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế	Cửa Lác
		Km 32+000	15	nt	nt	Mũi Hàn
		Km 52+000	15	nt	nt	Hà Úc
		Km 56+000	15	nt	nt	Hà Trung
		Km 72+000÷Km 74+000	27,5	nt	nt	Hiền Vân, Tư Hiền

4	Sông Hương	Km 2+000	20	nt	nt	Thuận Hoà
		Km 5+000	15	nt	nt	Quy Lai
		Km 16+000	15	nt	nt	Cồn Hén
		Km 27+000	15	nt	nt	Hương Hồ
<b>III</b>	<b>Miền Nam</b>					
1	Kênh Xáng Long Định	Km0+000 ÷ km0+600	38	Tiền Giang	Tiền Giang	
2	Kênh Rạch Sỏi Hậu Giang	km54+000-:- km59+000	297	An Giang	An Giang	
3	Kênh Lấp Vò Sa Đéc	km 9+100-:- km9+800	37	Đồng Tháp	Đồng Tháp	
4	Sông Bến Tre	km0+750-:- km3+250	85	Bến Tre	Bến Tre	
5	Kênh Xà No	km29+000-:- km39+500	589	Hậu Giang	Hậu Giang	
6	Kênh Vành Đai	km 0+000-:- km0+500	34	Kiên Giang	Kiên Giang	
7	Kênh Rạch Giá Hà Tiên	km15+000-:- km 17+000	69	Kiên Giang	Kiên Giang	
		km 38+000-:- km 46+000	207	nt	nt	
		km 77+750-:- km78+750	47	nt	nt	
8	Kênh Mạc Cần Dung	km 8+800-:- km10+200	74	An Giang	An Giang	
9	Kênh Vĩnh Tế	km 8+000-:-km 11+500	287	An Giang	An Giang	
10	Kênh Bảy Hạp Gành Hào	km 0+000-:- km9+000	700	Cà Mau	Cà Mau	
11	Sông Bảy Hạp	km 12+000-:- km25+000	1054	Cà Mau	Cà Mau	
12	Kênh Tắt Năm Căn	km 9+000-:- km11+500	43	Cà Mau	Cà Mau	
13	Sông Gành Hào	km 47+500-:- km47+780	23	Cà Mau	Cà Mau	
14	Sông Trẹm và kênh sông Trẹm Cạnh Đền	km 0+000-:- km46+100	1327	Cà Mau	Cà Mau	